

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 12 -2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hải T
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Không tham dự phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2017/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1970; trú tại: Số 5, ấp A, xã Long , huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị D L, sinh năm 1974; trú tại: Số 5, ấp A, xã Long , huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/ 7/ 2017 của nguyên đơn anh Trần Hoàng T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Anh Trần Hoàng T và chị Trần Thị D L sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Từ năm 1991 đến tháng 4 năm 2017, vợ chồng không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn và bất đồng ý kiến. Nay anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Trần Thị D L.

Về con chung: có hai con chung tên Trần Minh T, sinh năm 1992 và Trần Thị Hoàng N, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị D L không đến dự phiên hòa giải cũng như có ý kiến gửi tòa án.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 2 tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Năm 1991 anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện. Anh T khai vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo qui định phù hợp với công văn số 331/UBND ngày 21/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ qua tra sổ đăng ký kết hôn gốc anh T và chị L tìm không thấy tên nên anh T, chị L không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống đến tháng 4 năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi với nhau. Do không có đăng ký kết hôn nên anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L là phù hợp với khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: có hai con chung tên Trần Minh Tuấn, sinh năm 1992 và Trần Thị Hoàng Như, sinh năm 1997. Các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]Về nợ chung: nguyên đơn khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000838 ngày 26/ 7/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Hoàng T và chị Trần Thị D L.

2.Về con chung: có hai con chung: Trần Minh T, sinh năm 1992 và Trần Thị Hoàng N, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3.Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 0000838 ngày 26/ 7/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay. Còn người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các ds;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong